

QUAN NIỆM VỀ NGƯỜI TÀI VÀ VIỆC GIÁO DỤC NHÂN TÀI Ở VIỆT NAM THỜI PHONG KIẾN

○ ThS. PHÍ THỊ HIẾU*

Sự phát triển của xã hội loài người nói chung, của mỗi quốc gia, dân tộc nói riêng luôn gắn liền với những bước tiến nhảy vọt về khoa học, kĩ thuật và những chuyển biến có tính chất bước ngoặt trong các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội. Tạo ra sự phát triển đó, đi đầu là những nhà khoa học thiên tài, những nhà tư tưởng vĩ đại, những nhà quân sự tài năng, những chính trị gia kiệt xuất... Do đó, dưới bất kì hình thái kinh tế - xã hội (KT-XH) nào, *người tài* cũng là trung tâm chú ý của toàn xã hội. Ở Việt Nam, ngay từ những ngày đầu của thời kì dựng nước, cha ông ta đã chú ý đến chính sách thu hút và trọng dụng người tài để phát triển đất nước. Trên tấm bia tại Văn Miếu Quốc Tử Giám có khắc dòng chữ: «*Hiền tài là nguyên khí quốc gia. Nguyên khí thịnh thì thế nước mạnh và hưng thịnh. Nguyên khí suy thì thế nước yếu mà thấp kém. Vì thế, các bậc thánh minh chẳng ai không coi việc kén chọn kẻ sĩ, bồi dưỡng nhân tài, vun trồng nguyên khí là công việc cần kíp...*» (1). Tuy nhiên, do đặc điểm của nền kinh tế, chế độ chính trị, trình độ khoa học kĩ thuật khác nhau mà quan niệm về người tài và việc GDNT ở mỗi thời kì lịch sử có những sắc thái khác nhau. Trong bài báo này, chúng tôi xem xét quan niệm về người tài và việc giáo dục nhân tài (GDNT) ở nước ta thời kì trung cổ (906-1858) vì dưới hình thái KT-XH phong kiến (PK), đây là thời kì đất nước ta giành được độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Nghiên cứu và chỉ ra sự chế ước của những điều kiện KT-XH đối với quan niệm về người tài và việc GDNT, ảnh hưởng của quan niệm về người tài đến chính sách phát triển nhân tài là mục đích cơ bản của bài báo này. Đồng thời, đây cũng là cơ sở để chúng ta có thể so sánh và nhìn thấy tiến trình phát triển của quan niệm về người tài và chính sách trọng dụng nhân tài ở nước ta qua các thời kì lịch sử.

1. Những nhân tố cơ bản chi phối quan niệm về người tài và việc GDNT ở nước ta thời PK

Quan niệm của con người về vấn đề nào đó luôn chịu sự chi phối bởi hoàn cảnh xung quanh,

bởi điều kiện sống thực tế, trình độ nhận thức của họ và quan niệm chung của xã hội về vấn đề đó. Không nằm ngoài quy luật này, quan niệm về người tài và việc GDNT ở Việt Nam thời PK cũng chịu ảnh hưởng của nhiều nhân tố như điều kiện kinh tế, trình độ khoa học kĩ thuật, chế độ chính trị, nền văn hóa,... mà trong đó họ đang sống.

Thứ nhất, về đặc điểm kinh tế và khoa học kĩ thuật: dưới chế độ PK Việt Nam, nền kinh tế chủ yếu là dựa vào nông nghiệp - độc canh lúa và hoa màu. Thủ công nghiệp, tiểu công nghiệp, thương nghiệp kém phát triển; khoa học kĩ thuật không có điều kiện để phát triển; ngành nghề chuyên môn hầu như chưa hình thành trừ giáo dục, y tế, lịch pháp thiên văn

Thứ hai, về tình hình chính trị: thời PK, quyền lực tập trung vào tay vua chúa PK. Sự cai trị dân chúng dựa vào các chính sách an dân hoặc dùng bạo lực để trấn áp, làm cho dân phải sợ. Suy cho cùng, bạo lực và các chính sách cai trị là công cụ chủ yếu làm nên sức mạnh của nhà nước PK. Hơn nữa, thời kì dựng và giữ nước, nhân dân ta luôn phải đấu tranh chống lại giặc ngoại xâm. Vũ khí chiến đấu thô sơ nên các cuộc kháng chiến phải dựa vào sức người là chủ yếu. Đồng thời, đấu tranh chính trị mà vai trò thuộc về các sứ thần cũng vô cùng quan trọng. Do nền kinh tế thấp kém như đã nêu trên, hệ thống quan chức của bộ máy nhà nước, bộ máy quản lí các hoạt động của toàn xã hội ta trong thời PK chỉ bao gồm 3 loại quan chức chính là: *các quan võ, các chỉ huy lực lượng quân sự* làm nhiệm vụ chiến đấu để dựng nên vương triều; *các quan văn* là người cai trị dân, xây dựng và củng cố nền tảng kinh tế - chính trị của chế độ của vương triều, duy trì sự tồn tại của nó. Hệ thống quan văn khá đông đảo, đa dạng, phức tạp, nên loại hình tuyển chọn, cách thức bổ túc và nâng cao tay nghề đối với quan văn cũng rất phong phú. Các lai điển - người giúp việc cho các quan văn, quan võ theo quan

* NCS Trường ĐHSP quốc gia Moskva - Liên bang Nga

niệm «quan và lại phải cùng giúp nhau làm việc thì công việc mới chạy».

Thứ ba, về văn hóa: Một nghìn năm Bắc thuộc khiến cho nền văn hóa nước ta chịu ảnh hưởng nặng nề của nền văn hóa Trung Quốc mà biểu hiện rõ nét nhất là tư tưởng Nho giáo thống trị trong đời sống văn hóa tinh thần của xã hội.

2. Quan niệm về người tài

Do những đặc điểm về kinh tế, chính trị và đời sống xã hội như đã nêu trên, quan niệm về người tài thời PK ở nước ta có những đặc điểm sau:

- Để nói về người tài, người ta sử dụng những thuật ngữ khác nhau như nhân tài, thần đồng, dị nhân, người hiền, cao nhân, xuất chúng, xuất sắc, thiên tài, thiên bẩm, siêu nhân, vô song, vô địch... Tuy các thuật ngữ được sử dụng tương đối phong phú, đa dạng nhưng tất cả đều nhằm để biểu thị những người có sức khỏe phi thường, có tài năng quân sự, hoặc có những năng khiếu, năng lực đặc biệt trong lĩnh vực giáo dục, văn chương, y học, thiên văn,... Những người giỏi đều được gọi là thầy: thầy học, thầy thuốc, thầy cãi...

- Về nguồn gốc của tài năng nói riêng, của sự phát triển nhân cách nói chung có những quan điểm khác nhau, thậm chí là đối lập nhau. Chẳng hạn, có quan điểm cho rằng nhân cách con người là bẩm sinh hoặc do sự tiền định của chúa trời («cha mẹ sinh con trời sinh tính» hoặc «thông minh vốn sẵn tính trời» (*Truyện Kiều* - Nguyễn Du). Song, quan điểm khác lại coi năng lực, tài năng là sản phẩm của giáo dục: «Muốn sang thì bắc cầu kiều. Muốn con hay chữ phải yêu lấy thầy» hay «không thầy đố mày làm nên»

Đây là một luận điểm tiến bộ thể hiện tư tưởng coi giáo dục giữ vai trò chủ đạo trong sự phát triển nhân cách của con người. Điều đó cho thấy, từ xa xưa ông cha ta đã coi trọng yếu tố giáo dục trong sự phát triển của con người, của xã hội.

- Nếu như ngày nay, năng lực, năng khiếu trong tất cả các lĩnh vực đều được đánh giá cao và chú ý đến thì dưới thời PK, sự quan tâm này chủ yếu tập trung vào một số lĩnh vực. Đó là: những người có sức khỏe phi thường, có tài văn chương, thi phú, thuyết giáo hết sức được coi trọng. Mơ ước của người dân về sức khỏe phi thường để gánh vác việc đồng áng, có khả năng địch được muôn người để đánh đuổi giặc ngoại xâm ra khỏi bờ cõi, gìn giữ tổ quốc, bảo vệ non sông, có tài văn chương để được tham gia thi cử ra làm quan, có tài ứng đối để đấu tranh trên mặt trận chính trị với PK phương Bắc và tầng lớp vua quan... đã được phản ánh trong các tác phẩm

văn học như truyền thuyết «Thánh Gióng», những câu truyện về người khổng lồ, về Trưng An, Trưng Vật, Trưng Khỏe, Trưng Hiền, Trưng Quỳnh... Những năng khiếu khác mà ngày nay người ta gọi là năng khiếu hội họa, âm nhạc, thể thao cũng được chú ý đến. Tuy nhiên, những người có năng khiếu này được trọng dụng chủ yếu để phục vụ tầng lớp vua quan, quý tộc chứ không phải để phục vụ cho nhu cầu văn hóa - tinh thần của nhân dân nói chung.

3. GDNT ở Việt Nam thời PK

Từ giữa thế kỉ XIX trở về trước, nền giáo dục của Việt Nam chịu ảnh hưởng sâu sắc của nền giáo dục PK phương Bắc, cụ thể là tư tưởng giáo dục của Nho giáo. Đặc điểm nổi bật của Nho giáo là không chú ý đến giáo dục các khoa học tự nhiên, những kiến thức về sản xuất kinh doanh, coi thường lợi ích cá nhân; tồn tại những tư tưởng bảo thủ, lạc hậu như: trọng nam, khinh nữ, coi thường người lao động chân tay, tư tưởng ngũ luân, ngũ thường...

Đồng thời, do sự chế ước của những điều kiện xã hội khác mà việc GDNT ở Việt Nam thời PK có một số đặc điểm chủ yếu sau đây:

- Trong số những người được học ở các trường, một bộ phận ưu tú được lựa chọn để đào tạo thành những người tài đức, thực hiện «... tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ». Như vậy, mục đích chủ yếu của việc tuyển chọn và GDNT thời PK là đào tạo đội ngũ quan lại, phục vụ cho vương triều.

- Những tri thức về văn chương, chính trị, về các bài học kinh nghiệm của lịch sử (các môn khoa học xã hội) trở thành nội dung giáo dục chủ yếu đối với người tài, còn các khoa học tự nhiên không được chú ý đến.

- Các PPGD người tài được sử dụng chủ yếu là: phương pháp nêu gương, trong đó đặc biệt nhấn mạnh sự mô phạm của người thầy giáo; phương pháp cá biệt hoá đối tượng giáo dục; phương pháp khơi dậy tính tích cực, chủ động, sáng tạo của người học... Tuy các PPGD được áp dụng có nhiều điểm tiến bộ mà ngày nay chúng ta vẫn duy trì và phát triển nhưng tính chất máy móc, đòi hỏi sự phục tùng gần như tuyệt đối của trò đối với thầy... vẫn là một đặc điểm nổi bật trong PPGD thời PK.

- Cách thức phát hiện, lựa chọn nhân tài thời PK được thể hiện qua hai biện pháp cơ bản, đó là thi cử và tiến cử: + Về thi cử: nhìn chung các vua chúa ngày xưa đều rất coi trọng việc thi cử. Năm 1434 đời Lê Thái Tông, trong lời chiếu định

phép thi Hương và thi Tiến sĩ có đoạn viết: «Muốn có nhân tài trước hết phải chọn người có học, phép chọn người có học thì thi cử là đầu». Do mục đích chính của thi cử là đào tạo tuyển chọn quan chức cho bộ máy chính quyền cho nên thi cũng bao gồm ba loại hình cơ bản là thi văn, thi võ, thi lại viên. Thi lại viên còn gọi là thi Thư toán (viết chữ, làm tính). Điều đó cho thấy, năng lực thể chất và văn chương rất được coi trọng, còn năng lực toán học cũng được đề cập đến nhưng ở mức độ sơ đẳng - làm tính; + Về tiến cử, năm 1429, một năm sau khi hoàn toàn giải phóng đất nước, Lê Thái Tổ đã ban chiếu cho các quan từ tam phẩm trở lên tiến cử người tài. Lời chiếu viết: «Ta nghĩ việc thịnh trị tất do dùng được người hiền, muốn có người hiền phải có người tiến cử, cho nên người làm vua thiên hạ tất phải lấy việc ấy làm việc trước nhất...». Như vậy, việc tiến cử người tài là một kinh nghiệm vô cùng quý báu, là một tư tưởng cầu hiền tài, thiết nghĩ, vẫn còn nguyên giá trị với thời đại chúng ta.

- Về hệ thống trường học và đối tượng giáo dục: Sau khi đất nước lần đầu tiên trong lịch sử được độc lập (năm 938), dưới các triều đại PK Ngô, Đinh, tiền Lê (939-1009), việc học lúc này chưa phát triển và được tổ chức trong các trường tư và trường chùa. Mãi đến đời nhà Lý, vào năm 1070, vua Lý Thánh Tông cho lập Văn Miếu để làm nơi dạy học cho con em hoàng tộc và quan lại. Sáu năm sau, năm 1076, vua Lý Nhân Tông cho xây Quốc Tử Giám, tuyển chọn các quan viên văn chức biết chữ cho vào học để đào tạo nhân tài cho đất nước. Văn Miếu - Quốc Tử Giám, được coi là trường đại học đầu tiên ở Việt Nam. Đến năm 1253, nhà Trần gọi trường này là Quốc Tử Viện, thu nạp các hoàng tử, con em các nhà quyền thế và cả những con em thường dân ưu tú, nhằm đào tạo quan lại PK. Đời nhà Hồ (1400-1407), Hồ Quý Ly cũng rất quan tâm đến việc giáo dục để nâng cao dân trí và tuyển chọn người tài. Như vậy, qua các triều đại, việc GDNT đã được phát triển từng bước và có sự mở rộng về quy mô: từ chỗ chỉ có con em hoàng tộc được đến trường đến chỗ con em thường dân ưu tú cũng được theo học để làm quan; từ chỗ chỉ có một số trường tư và trường chùa đến sự xuất hiện một hệ thống các trường ở làng xã, đặc biệt là sự ra đời của trường đại học đầu tiên ở Việt Nam - Quốc Tử Giám. Sự kiện này đánh dấu sự phát triển có tính chất bước ngoặt, mang tính hệ thống, khoa học của việc đào tạo nhân tài và chính sách trọng dụng người tài ở nước ta thời PK.

- Tính chất giới tính cũng được thể hiện rõ trong quan niệm về người tài và GDNT ở Việt Nam thời PK. Dưới thời PK, tư tưởng trọng nam khinh nữ thống trị trong xã hội. Những người phụ nữ, cho dù có thông minh, tài giỏi đến đâu cũng không được phép tham gia thi cử để ra làm quan. Có thể, tài năng văn chương của họ khiến người đời phải ngưỡng mộ nhưng cùng lắm họ cũng chỉ được vùi vào cung để dạy cho các cung nữ, công chúa con vua. Một số phụ nữ có tài năng chính trị đáng khâm phục nhưng họ cũng chỉ đứng đằng sau, âm thầm lặng lẽ giúp vua mà không được phong chức tước như nam giới. Những nữ sĩ tài ba như Nguyễn Thị Lộ, Đoàn Thị Điểm, Hồ Xuân Hương, Bà Huyện Thanh Quan... chính là những ví dụ sống động trong lịch sử dân tộc.

Do sự chi phối của điều kiện kinh tế, chế độ chính trị, trình độ phát triển khoa học kĩ thuật, quan niệm về người tài ở Việt Nam thời Trung cổ bị bó hẹp trong một vài lĩnh vực. Những người có năng khiếu văn chương và sức khỏe phi thường được coi trọng. Song, tài năng trong các lĩnh vực khoa học tự nhiên và kĩ thuật lại không có điều kiện để nảy nở và phát triển.

Chính sách trọng dụng và GDNT đã được chú ý đến. Nhiều tư tưởng tiến bộ vẫn còn nguyên giá trị đến ngày nay. Tuy nhiên, do việc tuyển chọn và đào tạo nhân tài gắn liền với việc đào tạo đội ngũ quan lại nên nội dung, PPGD còn nghèo nàn, đơn điệu, lẻ tẻ, thiếu tính hệ thống. Nhân tài, do đó, không có điều kiện để phát triển tối đa và toàn diện những khả năng của mình. Mặt khác, việc coi thường lợi ích cá nhân đã thủ tiêu động lực trực tiếp để phát triển nhân tài. Sự phân biệt đẳng cấp trong xã hội đã tồn tại trong một thời gian dài; tư tưởng «trọng nam khinh nữ» thống trị trong suốt thời PK khiến cho những người tài giỏi thuộc tầng lớp dưới và phụ nữ không có điều kiện để phát triển. □

(1) Nghiêm Đình Vỳ (chủ biên) - Nguyễn Đắc Hưng. **Phát triển giáo dục và đào tạo nhân tài.** NXB Chính trị quốc gia, H 2002.

Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Tiến Cường. **Sự phát triển giáo dục và chế độ thi cử ở Việt Nam thời phong kiến.** NXB Giáo dục, H 1998.
2. Phạm Tất Dong. “Ông cha ta chọn người tài”. www.hanoimoi.com.vn